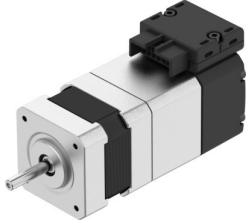


# Động cơ bước EMMB-ST-42-S-SSB

Số bộ phận: 8156129

FESTO



## Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...40 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	lên tới 80°C với mức giảm -2%/°C
Độ cao tối đa	4000 m
Lưu ý về chiều cao lắp đặt tối đa	chỉ từ 1.000 m với giảm dần -1,0% trên 100 m
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 90 % không có đặc
Tuân theo tiêu chuẩn	IEC 60034
Lớp nhiệt theo EN 60034-1	B
Nhiệt độ cuộn dây tối đa	130 °C
Loại đo theo EN 60034-1	S1
Thiết kế động cơ theo EN 60034-7	IM B5 IM V1 IM V3
Vị trí lắp đặt	bất kì
Mức độ bảo vệ	IP20
Lưu ý về mức độ bảo vệ	IP40 cho trục động cơ không phốt trục quay
Mã giao diện Mô tơ ra	42A
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm kết hợp
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Kiểu kết nối L5
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	14
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vòng III
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS

<b>Đặc tính</b>	<b>Giá trị</b>
Điện áp hoạt động danh định DC	48 V
số cặp cực	50
Mô-men xoắn giữ động cơ	250 N m
Mô-men xoắn danh nghĩa	240 N m
Mô men xoắn cực đại	250 N m
Tốc độ xoay danh nghĩa	600 1/phút
Số vòng quay tối đa	2700 1/phút
Tốc độ cơ học tối đa	9000 1/phút
Góc bước ở bước đầy đủ	1.8 °
Dung sai góc bước	±5 %
Công suất định mức động cơ	17 W
Dòng điện tĩnh liên tục	2 A
Dòng điện danh định động cơ	1800 A
dòng điện cao điểm	2 A
động cơ không đổi	133 N m/A
Pha không đổi điện áp	12100 mVmin
Pha điện trở cuộn dây	2100 Ohm
Giai đoạn điện cảm quanh co trên mỗi giai đoạn riêng lẻ (không liên kết)	3 mH
Cuộn cảm dọc cuộn dây Ld (pha)	1600 mH
Cuộn dây cảm ứng ngang Lq (pha)	3 mH
Thời gian điện không đổi	1400 ms
Hệ số thời gian nhiệt	22 phút
Cách nhiệt	3500 K/W
Mặt bích đo	200 x 200 x 15 mm, thép
tổng mômen quán tính đầu ra	0.041 kgcm <sup>2</sup>
trọng lượng sản phẩm	520 g
Tải trọng trục dọc trục cho phép	10 N
Tải trọng trục hướng tâm cho phép	28 N
Cảm biến vị trí rôto	Encoder tuyệt đối, một vòng
Tên nhà sản xuất cảm biến vị trí rôto	Festo iC-MHM
Cảm biến vị trí rô to Số vòng quay tuyệt đối có thể phát hiện được	1
Giao diện bộ mã hóa vị trí rôto	BiSS-C
Cảm biến vị trí rôto Nguyên tắc đo	từ tính
Bộ mã hóa vị trí rô to điện áp hoạt động DC	5 V
Bộ mã hóa vị trí rô to dải điện áp hoạt động DC	4750 V...5250 V
Bộ mã hóa vị trí rô to chu kỳ sin/cosin mỗi vòng quay	2
Các giá trị vị trí của cảm biến vị trí rôto trên mỗi vòng quay	65536
Độ phân giải cảm biến vị trí rôto	16 bit
Đo góc độ chính xác của hệ thống cảm biến vị trí rôto	-540 giây góc...540 giây góc
Mô men giữ phanh	630 N m
Điện áp vận hành DC phanh	24 V
Tiêu thụ điện phanh	340 A
Mức tiêu thụ năng lượng phanh	8200 W
Điện trở cuộn dây phanh	70900 Ohm
cuộn dây phanh điện cảm	146 mH
Thời gian ngắt phanh	28 ms
Thời gian đóng phanh	41 ms
Phanh DC trễ đáp ứng	8 ms
Tốc độ không tải tối đa của phanh	9000 1/phút
Công ma sát tối đa cho mỗi quá trình phanh	1500 J
Số lần dừng khẩn cấp mỗi giờ	1
Mô men quán tính khối lượng của phanh	0.006 kgcm <sup>2</sup>
Chu kỳ chuyển mạch phanh giữ	10 triệu lần chạy không tải (không ma sát!)

Đặc tính	Giá trị
MTTF, thành phần phụ	9666 năm, cảm biến vị trí rôto